

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thanh Hằng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thanh Hằng
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thanh Hằng

Mã SV: 1412401200

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế Toán - Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị đo lường
Tân Phát

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp(về lý luận,thực tiễn,các số liệu tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

- Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế,tính toán.

- Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 của Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 08 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Thanh Hằng

ThS. Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ThS. Lê Thị Nam Phương
Đơn vị công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Phạm Thị Thanh Hằng Chuyên ngành: Kế toán-Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp.
- Chịu khó, học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Đảm bảo tiến độ của bài viết theo quy định của Nhà trường, Khoa và giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán.
- Khóa luận được chia thành 3 chương có bố cục và kết cấu rõ ràng, hợp lý.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	2
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2 Nhiệm vụ của của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3.1 Doanh thu	3
1.1.3.2 Chi phí.....	5
1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh	6
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	7
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	9
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	13
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	13
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	15
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	17
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng	17
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	17
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	18
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	20

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	20
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng	20
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	20
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	22
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	22
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	22
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	24
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	24
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	25
1.3 MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC VÀ QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC.....	27
1.3.1 Về chứng từ và sổ kế toán:	27
1.3.2 Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản.....	27
1.4. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	28
1.4.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.....	29
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	30
1.4.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	32
1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính	33
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT	36
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT	36
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	36
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty	36
2.1.3.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát	38
2.1.3.1- Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát.....	38
2.1.3.2. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng	40

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT	42
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	42
2.2.1.1 Chứng từ sử dụng	42
2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng	48
2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán	48
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng	48
2.2.2.3 Tài khoản sử dụng	48
2.2.2.4 Quy trình hạch toán	49
2.2.2.5 Ví dụ minh họa	50
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	55
2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	55
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng	55
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng	55
2.2.3.4 Quy trình hạch toán	56
2.2.3.5 Ví dụ minh họa	56
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	62
2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	62
2.2.4.2 Chứng từ sử dụng	62
2.2.4.3 Tài khoản sử dụng	62
2.2.4.4 Quy trình hạch toán	62
2.2.4.5 Ví dụ minh họa	63
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	67
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	67
2.2.6.1 Chứng từ sử dụng	67
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng.	67
2.2.6.3 Quy trình hạch toán	68
2.2.6.5 Ví dụ minh họa	69
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT.....	76

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT	76
3.1.1 Ưu điểm.....	76
3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát	78
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát....	79
3.2.1 Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	79
3.2.2 Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát...	79
3.2.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	80
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	80
3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán.....	81
3.2.4.2. Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty.	83
3.2.4.3 : Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán	87
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay khi nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển với trình độ ngày càng cao thì nền kinh tế Việt nam cũng đã hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Một quốc gia muốn phát triển thì không còn con đường nào khác là phải hòa nhập. Kể từ khi thực hiện chính sách kinh tế mở, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, các doanh nghiệp đã phát triển rất đa dạng và mạnh mẽ, bước đầu tham gia vào thương trường quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, một trong những biện pháp được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm hiện nay là công tác kế toán tài chính.

Trong công tác quản lý kinh tế thì công tác kế toán là một công cụ quản lý quan trọng của doanh nghiệp, với những thông tin mà kế toán cung cấp thì các nhà quản lý doanh nghiệp sẽ hiểu rõ hơn về tình hình quản lý của doanh nghiệp mình, đồng thời cũng có thể phân tích và đánh giá được tình hình sử dụng vốn, lao động và các nguồn lực đầu vào của doanh nghiệp, qua đó có thể sử dụng hợp lý hơn và tiết kiệm được nguồn lực mà vẫn tăng được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một biện pháp để tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, ngoài ra có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần khẳng định uy tín cũng như thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường.

Từ ý nghĩa và vai trò của công tác kế toán, qua việc áp dụng kiến thức đã học và thời gian tìm hiểu tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát em đã lựa chọn đề tài : **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 phần:

Phần 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

Phần 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát. Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban Giám Đốc, các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng sự hướng dẫn của cô giáo – ThS. Lê Thị Nam Phương, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định công tác kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.****1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**1.1.3.1 Doanh thu****• Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

• Các loại doanh thu**➤ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, phí lắp đặt...) nếu có trong một kì kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

- ✓ *Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp:* Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- ✓ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:* Theo phương thức này, bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.
- ✓ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.
- ✓ *Tiêu thụ theo phương thức bán hàng gửi đại lý:* Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.
- ✓ *Tiêu thụ theo phương thức hàng đổi hàng:* Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

Các khoản giảm trừ doanh thu

- ✓ *Chiết khấu thương mại:* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- ✓ *Giảm giá hàng bán:* là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- ✓ *Hàng bán bị trả lại:* là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- ✓ *Thuế GTGT phải nộp, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất khẩu:*

-*Thuế GTGT phải nộp*: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thu gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

-*Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

➤ **Thu nhập khác**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán*: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh*: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành... Và các

khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

❖ *Chi phí hoạt động tài chính*: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

❖ *Chi phí khác*: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập khác x Thuế suất thuế TNDN

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận		Doanh thu bán		Các khoản		Giá vốn hàng
từ hoạt động	=	hàng và cung	-	giảm trừ doanh	-	bán, Chi phí
SXKD		cấp dịch vụ		thu		quản lý KD

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

Lợi nhuận		Doanh thu hoạt động tài chính		Chi phí tài
tài chính	=		-	chính

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} & & \text{hoạt động} & & \text{HĐTC} & & \text{khác} \\ \text{thuế} & = & \text{SXKD} & + & & + & \\ & & & & & & \end{array}$$

- *Thuế TNDN phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{trước thuế} & & \text{thuế TNDN} \end{array}$$

- *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận sau} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & - & \text{Thuế TNDN} \\ \text{thuế TNDN} & & \text{trước thuế} & & \text{phải nộp} \end{array}$$

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Ủy nhiệm chi
- ✓ Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- **Kết cấu**

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5118 - Doanh thu hoạt động khác

❖ *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- **Kết cấu**

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán;

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

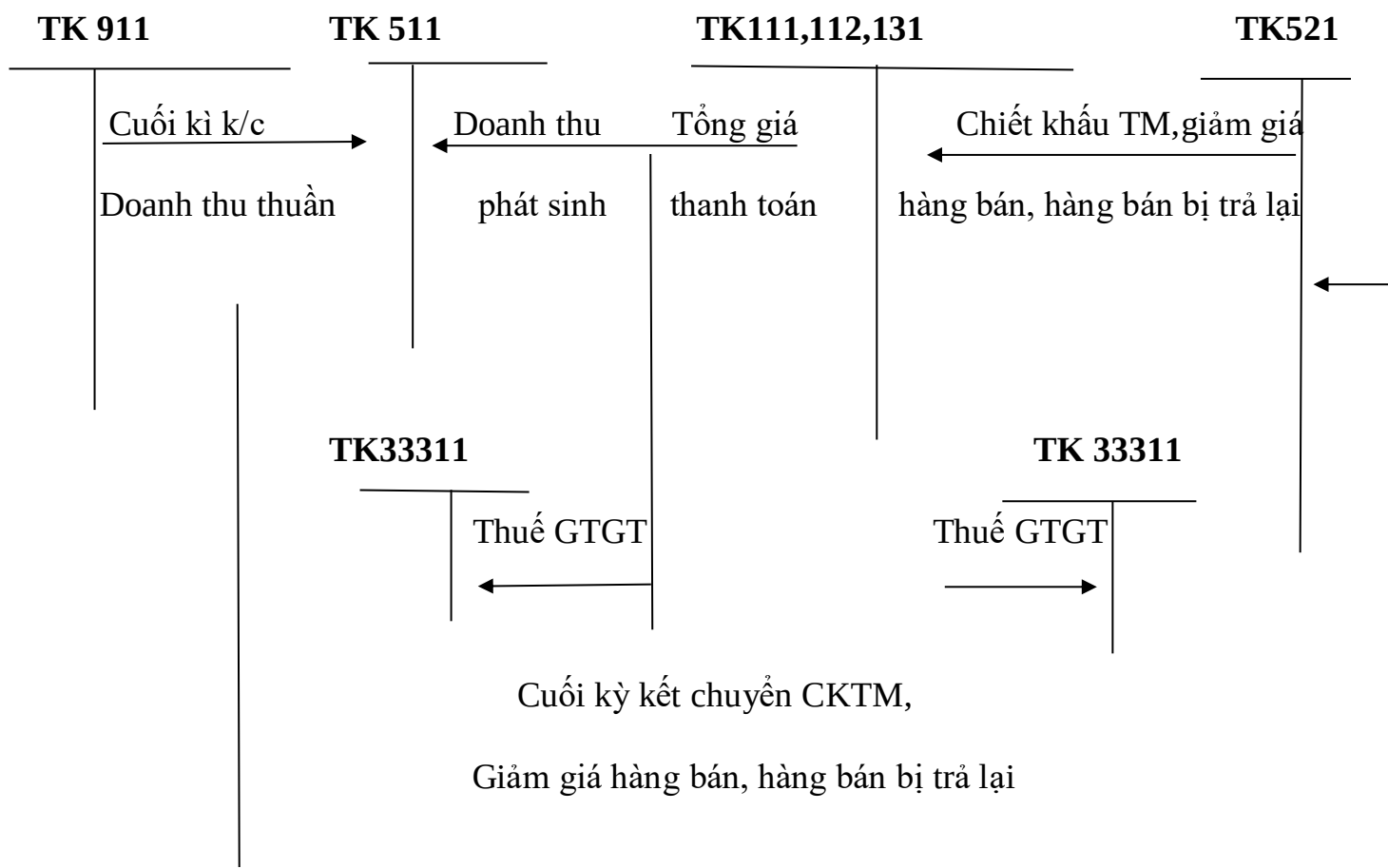
- - Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- - Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- - Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

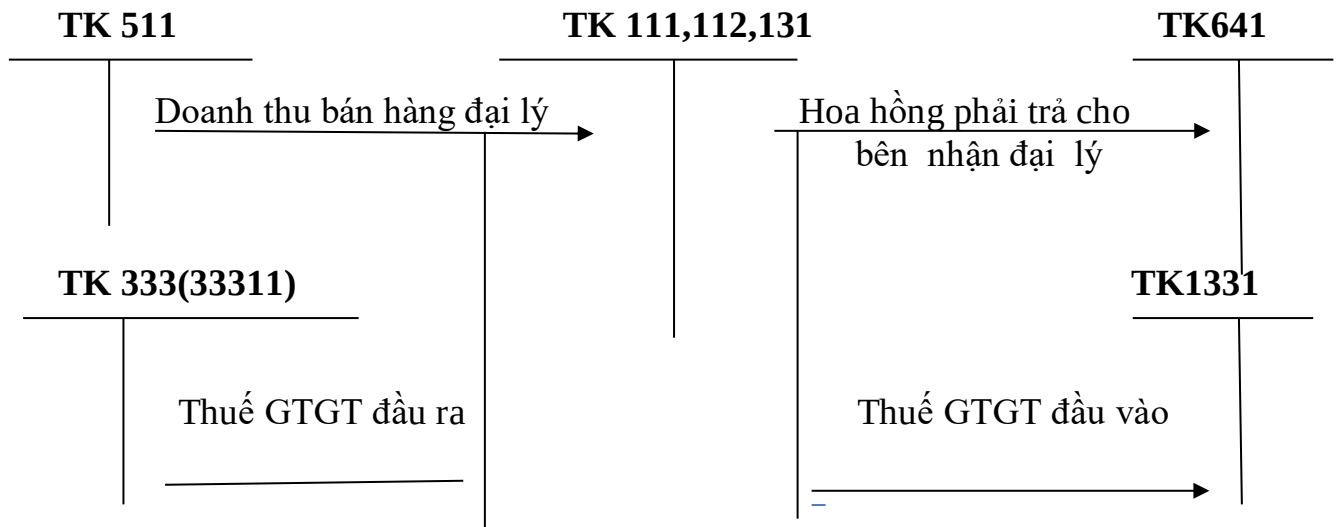
- Tài khoản 3331- Thuế GTGT phải nộp
- Tài khoản 3332- Thuế tiêu thị đặc biệt
- Tài khoản 3333- Thuế xuất , nhập khẩu

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

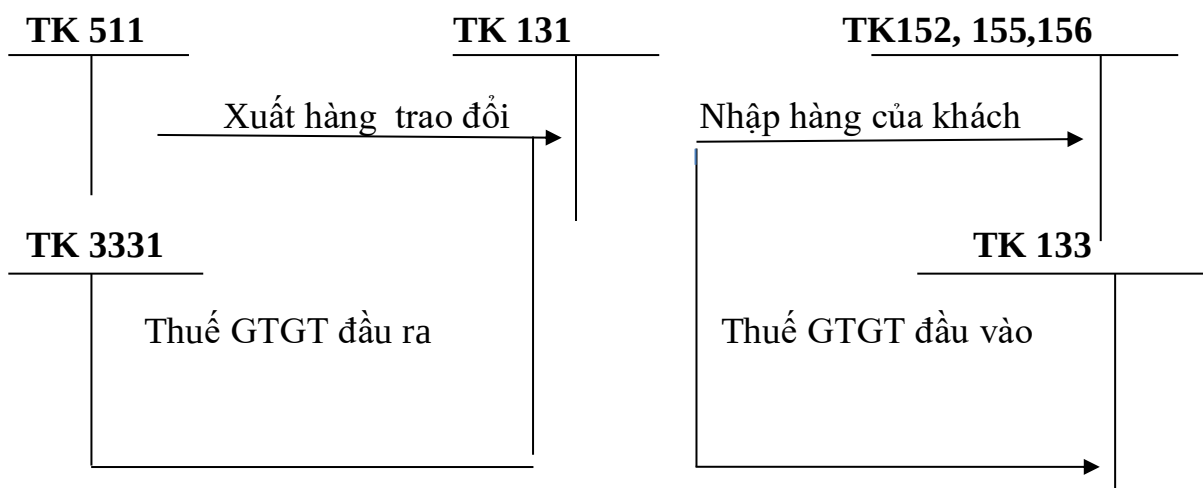
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương pháp trực tiếp



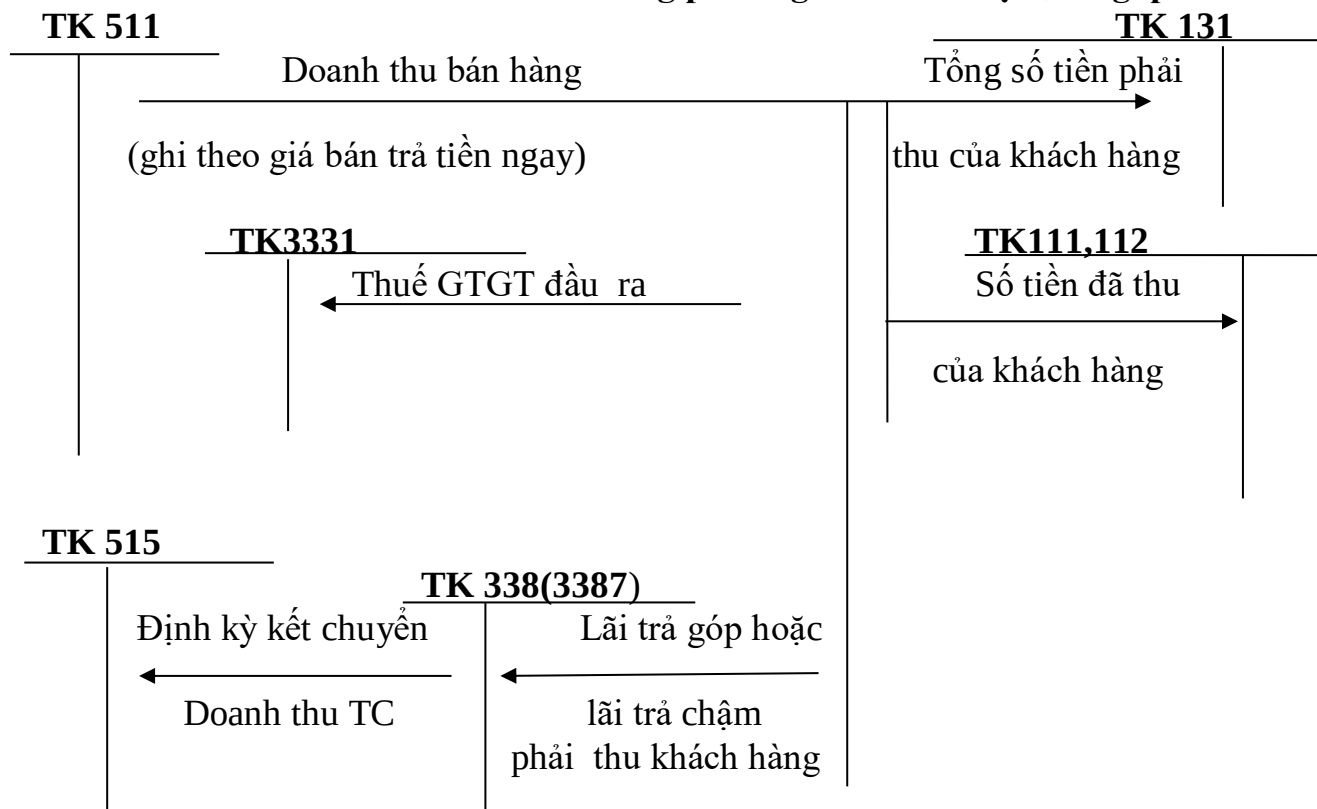
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn

- Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân

$$\text{Giá thực tế NVL, hàng hóa xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng xuất dùng}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ}} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

- Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO): hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ

- Phương pháp thực tế đích danh: theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

- Phương pháp tính giá bán lẻ: Doanh nghiệp áp dụng kỹ thuật tính giá bán lẻ phải thỏa mãn cả 2 điều kiện sau:

- Các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực siêu thị hoặc tương tự bởi vì số lượng hàng hóa được bán ra trong ngày rất nhiều, nếu sau lần xuất hàng lại làm bút toán hạch toán giá vốn thì sẽ không kịp ghi nhận các bút toán này.

- Các doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Cách tính giá hàng tồn kho theo phương pháp tính giá bán lẻ

Giá trị xuất kho của hàng hóa = Giá bán hàng tồn kho – Lợi nhuận biên.

+ Giá bán hàng tồn kho: Giá gốc hàng tồn kho x tỷ lệ % lợi nhuận định mức.

Tỷ lệ này tùy từng thời điểm, từng mặt hàng được quy định khác nhau, phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận biên: Mỗi mặt hàng có một tỷ lệ % lợi nhuận biên khác nhau

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Thẻ tính giá thành
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

• Kết cấu

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

▪ Bên nợ:

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

▪ **Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

▪ **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

• Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

▪ **Bên nợ:**

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

▪ **Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

- Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.

- Kết chuyển giá vốn thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào bên nợ TK 911”Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ **Tài khoản 631-Giá thành sản xuất**

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các đơn vị kinh doanh vận tải...trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

▪ **Bên nợ:**

-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ.

-Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

▪ **Bên có:**

-Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632”Giá vốn hàng bán”.

-Chi phí sản xuất kinh doanh ,dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

▪ **Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.**

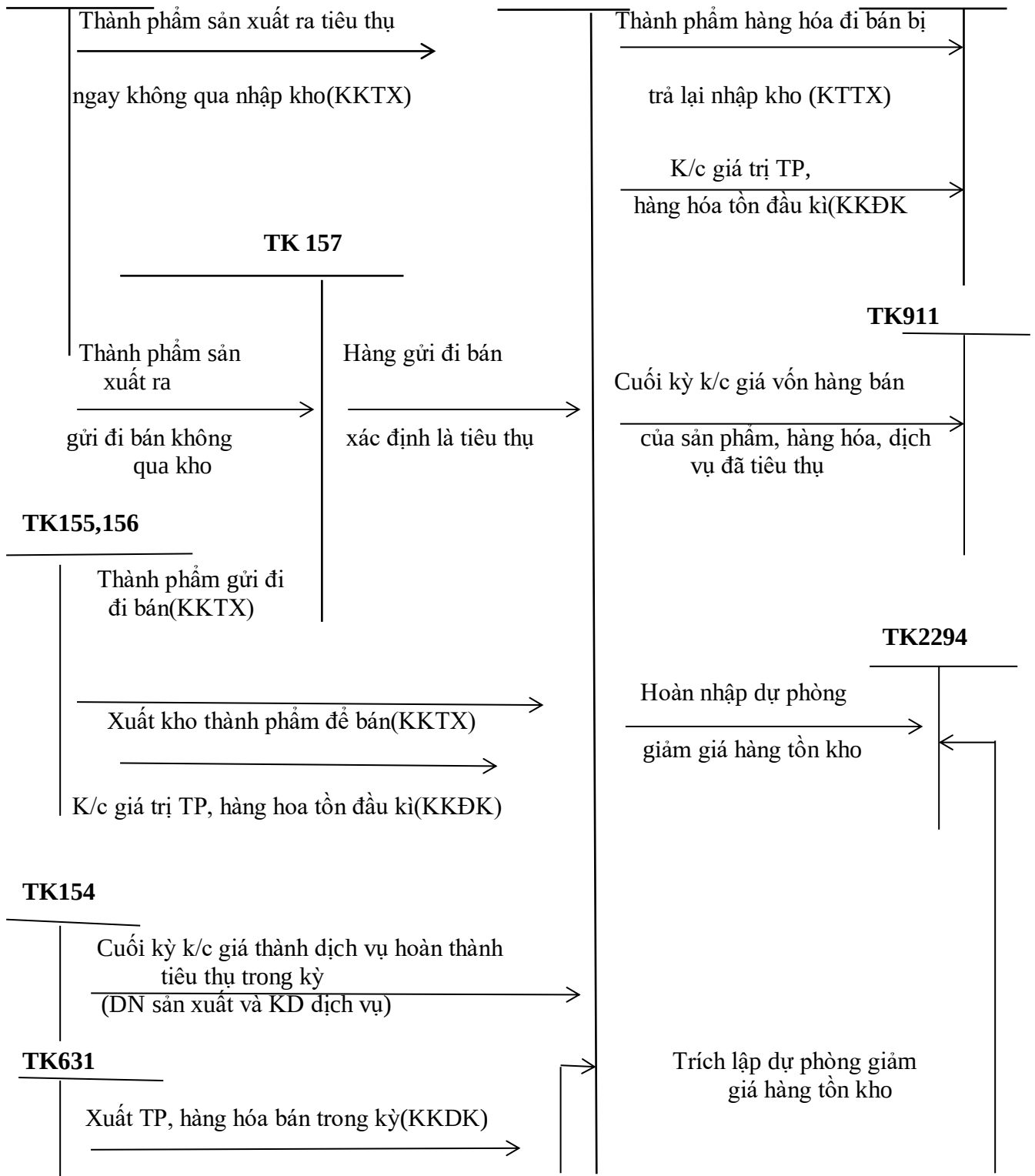
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ

TK 154

TK 632

TK 155,156



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có (giấy báo lãi),
- ✓ giấy báo nợ
- ✓ Phiếu chi, Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

• Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 -

“Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

• Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

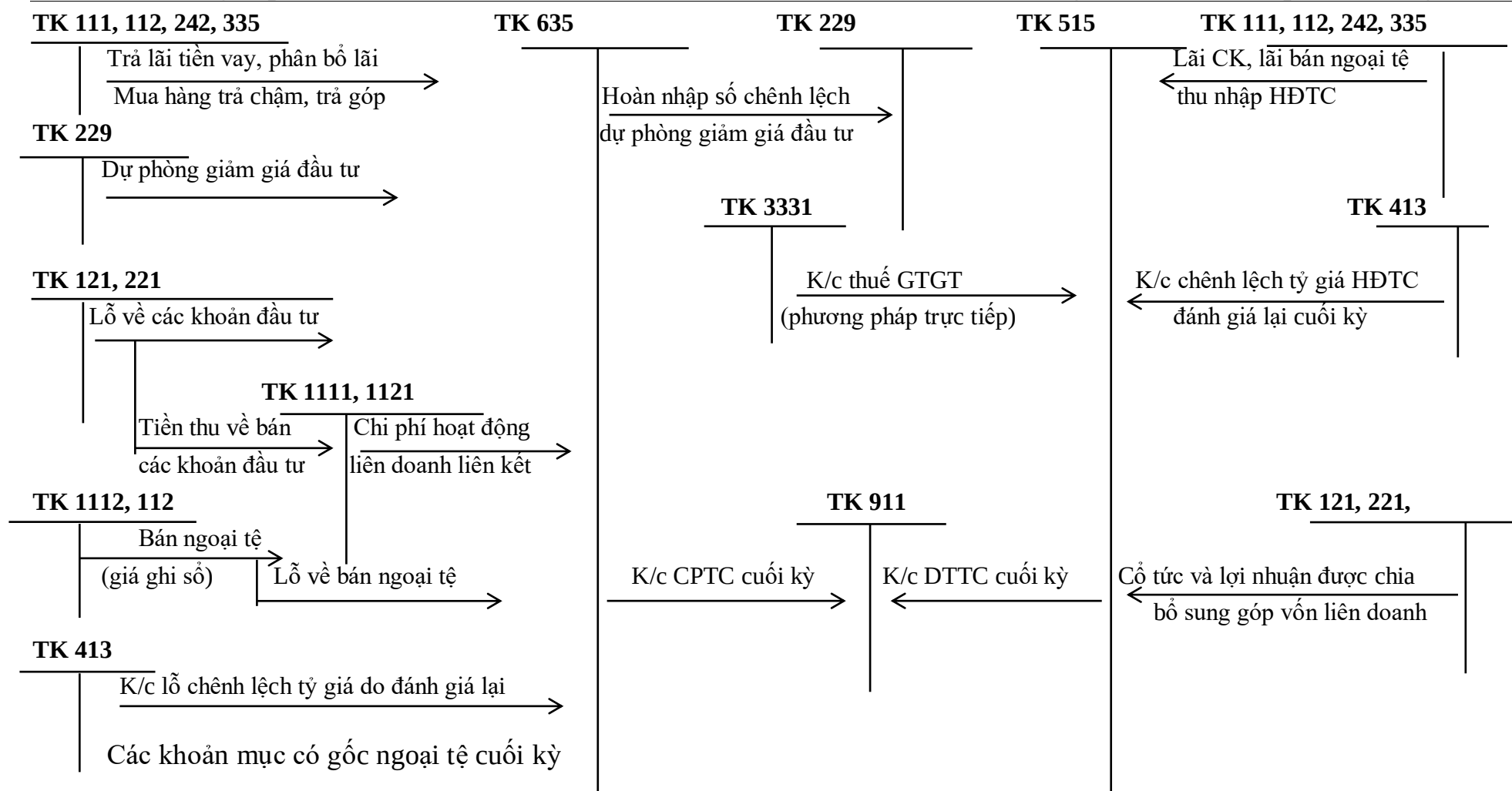
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ❖ Bảng tính và phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ❖ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ❖ Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- ❖ Hoa đơn GTGT
- ❖ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ❖ Các chứng từ có liên quan khác

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ ***Tài khoản 642*** - Chi phí quản lý kinh doanh
 - ❖ Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

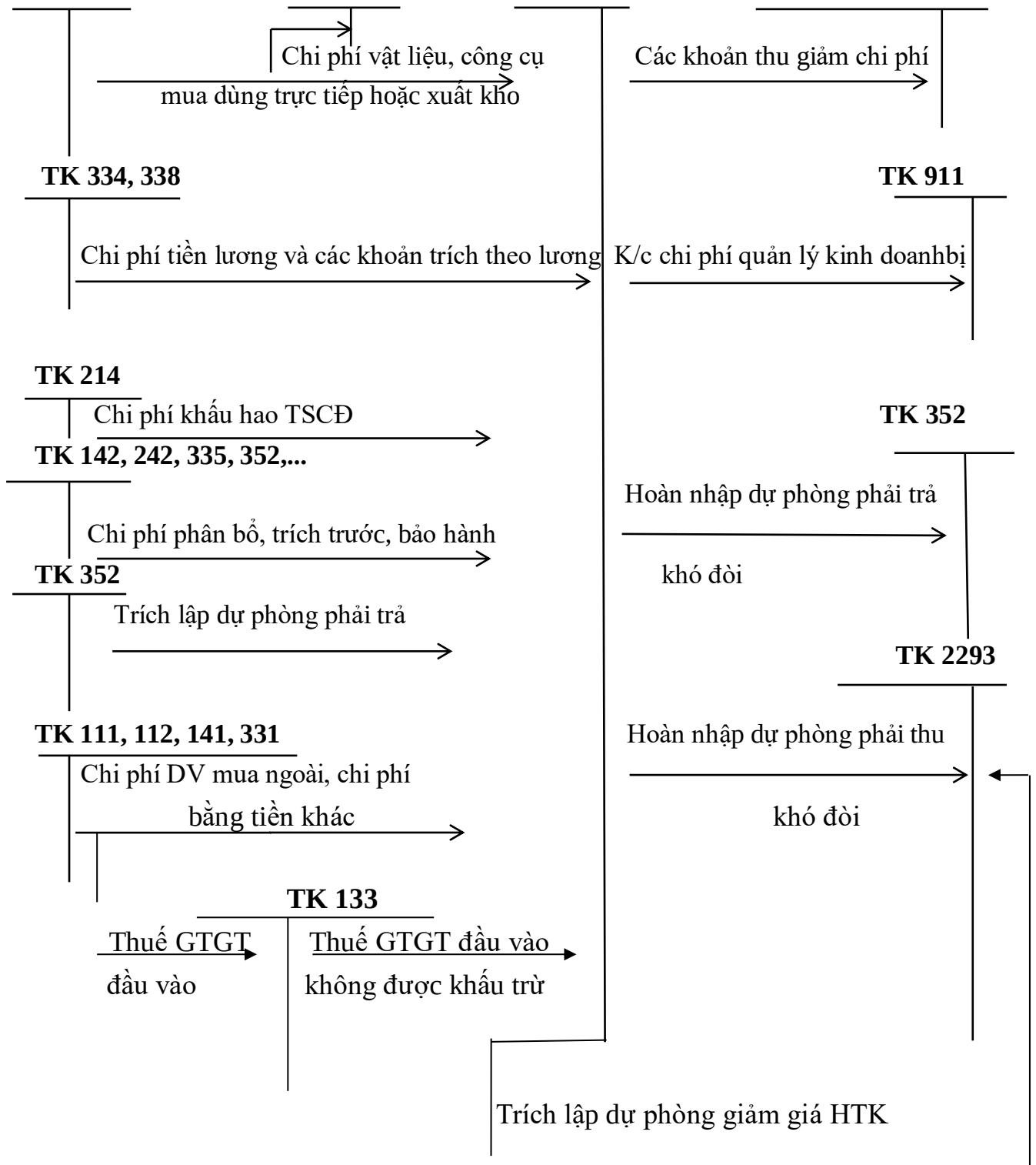
Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:

TK 152,153 ,111..

TK 133

TK 642

TK 111, 112, 138...



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**1.2.5.1 Chứng từ sử dụng**

- ✓ Biên bản đánh giá tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 711 - Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 - Chi phí khác

- Kết cấu

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

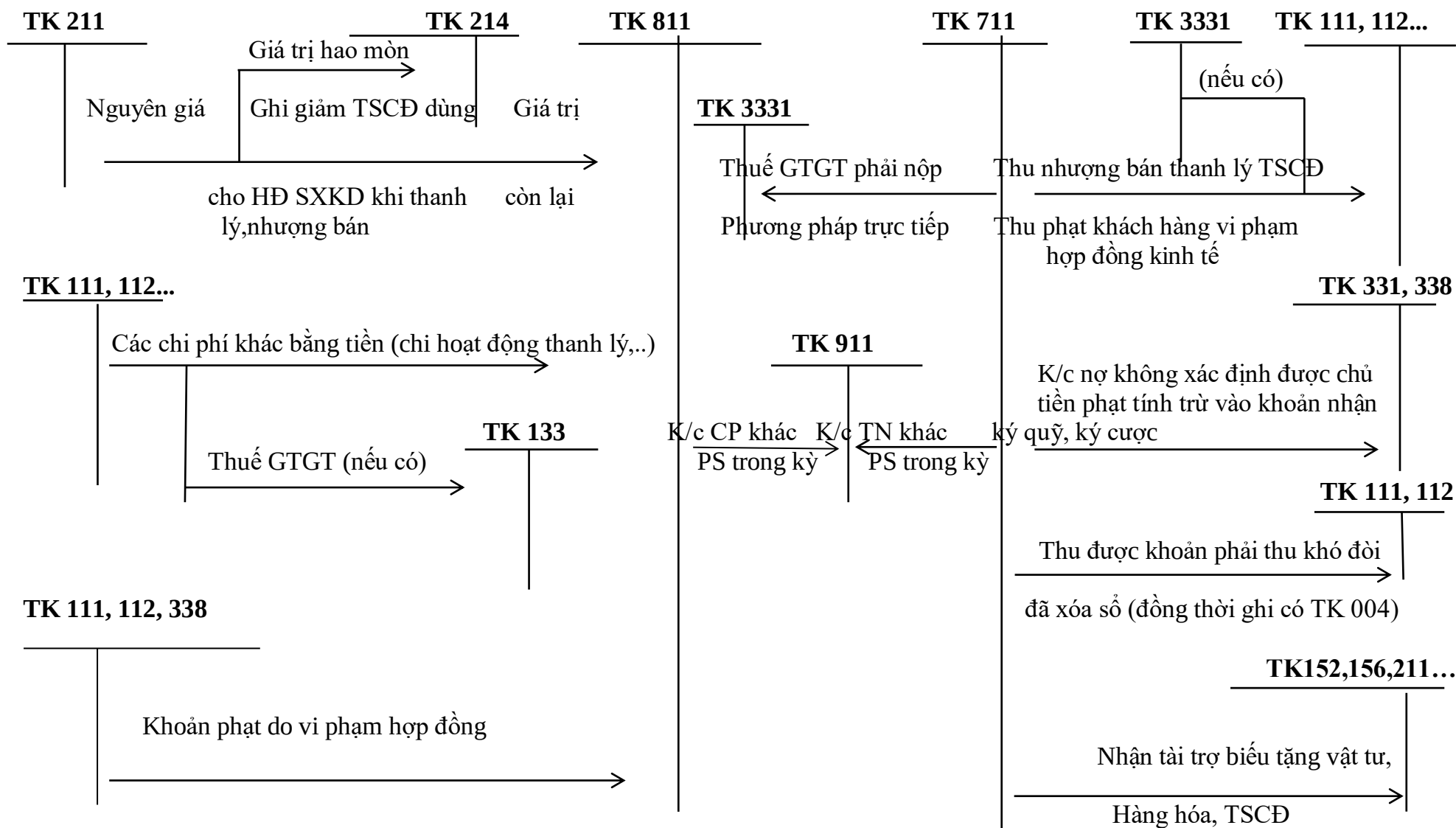
Bên có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.8 như sau:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ **Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh**

- Kết cấu

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- ❖ **Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên nợ:

- ❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm

Bên có:

- ❖ Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- ❖ Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

- ❖ **Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên

Bên có :

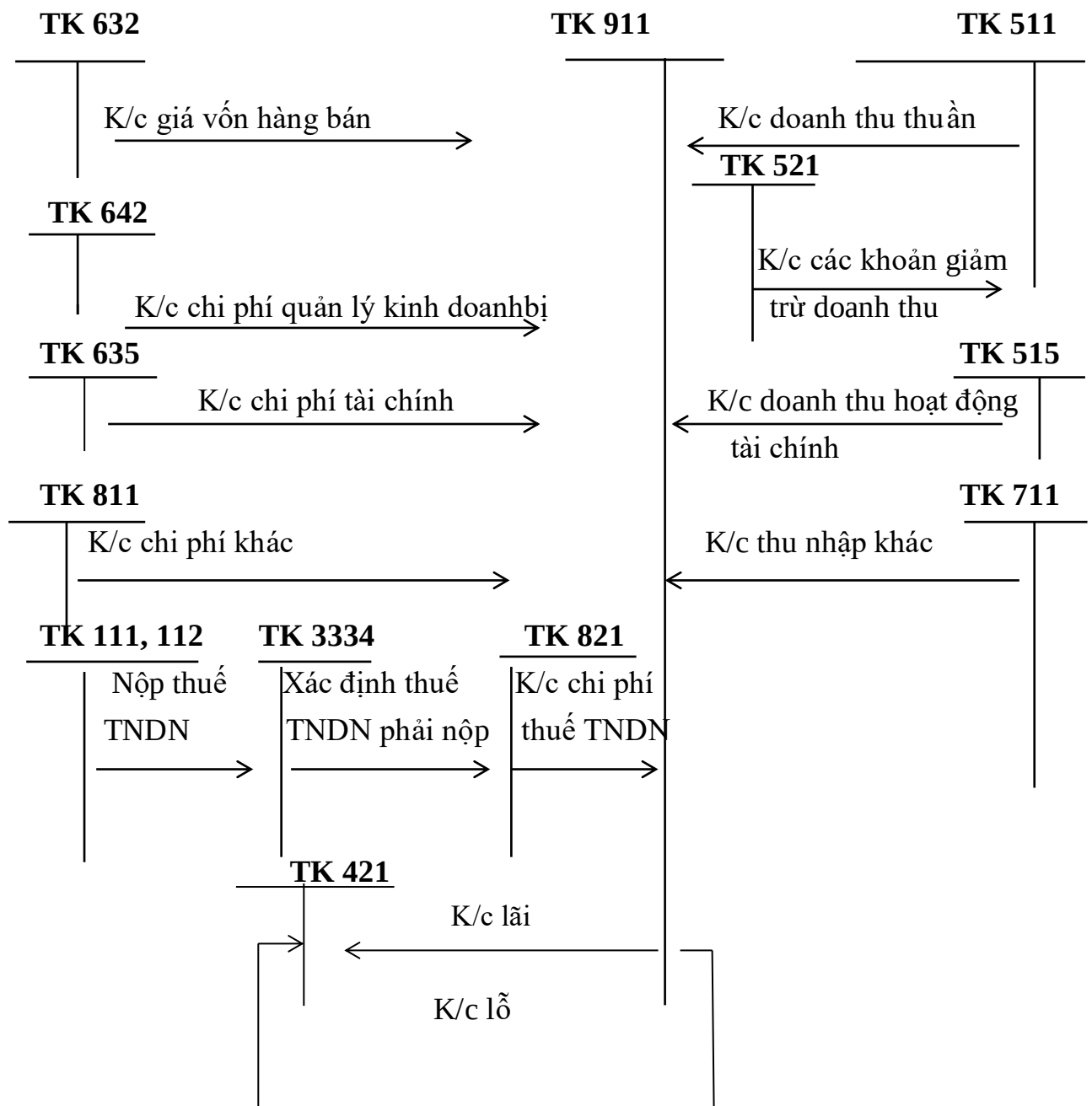
- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- Tài khoản 4212 - – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.9 như sau:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC VÀ QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC

1.3.1 Về chứng từ và sổ kế toán:

- Thông tư 133: Doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định.
- Quyết định 48: Doanh nghiệp xây dựng chứng từ và sổ kế toán theo những mẫu quy định trong Quyết định 48.

1.3.2 Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản.

Thông tư 133:

- Chỉ quy định nguyên tắc kế toán.
- Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao BCTC đúng.
- Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định.
- Doanh nghiệp được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra.
- Doanh nghiệp được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn mà nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu.
- Doanh nghiệp được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống...

Quyết định 48:

- Quy định chi tiết các bút toán định khoản.
- Ghi sổ theo Đồng Việt Nam
- Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là Hóa đơn GTGT hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.
- Quy định rõ biểu mẫu BCTC và doanh nghiệp phải áp dụng.

1.4. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

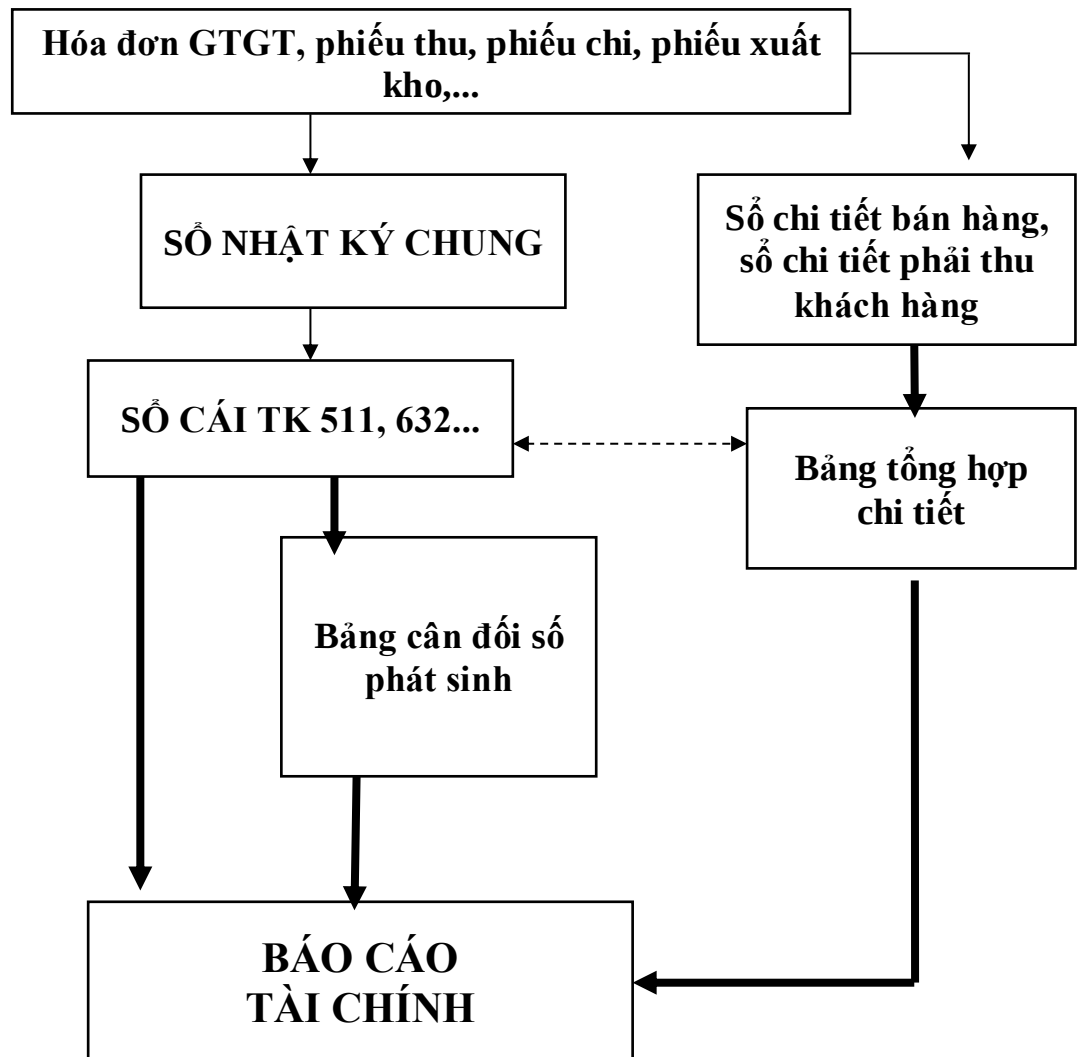
Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ

1.4.1 Hình thức kế toán nhật ký chung



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
 Ghi cuối tháng: $\longrightarrow$
 Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

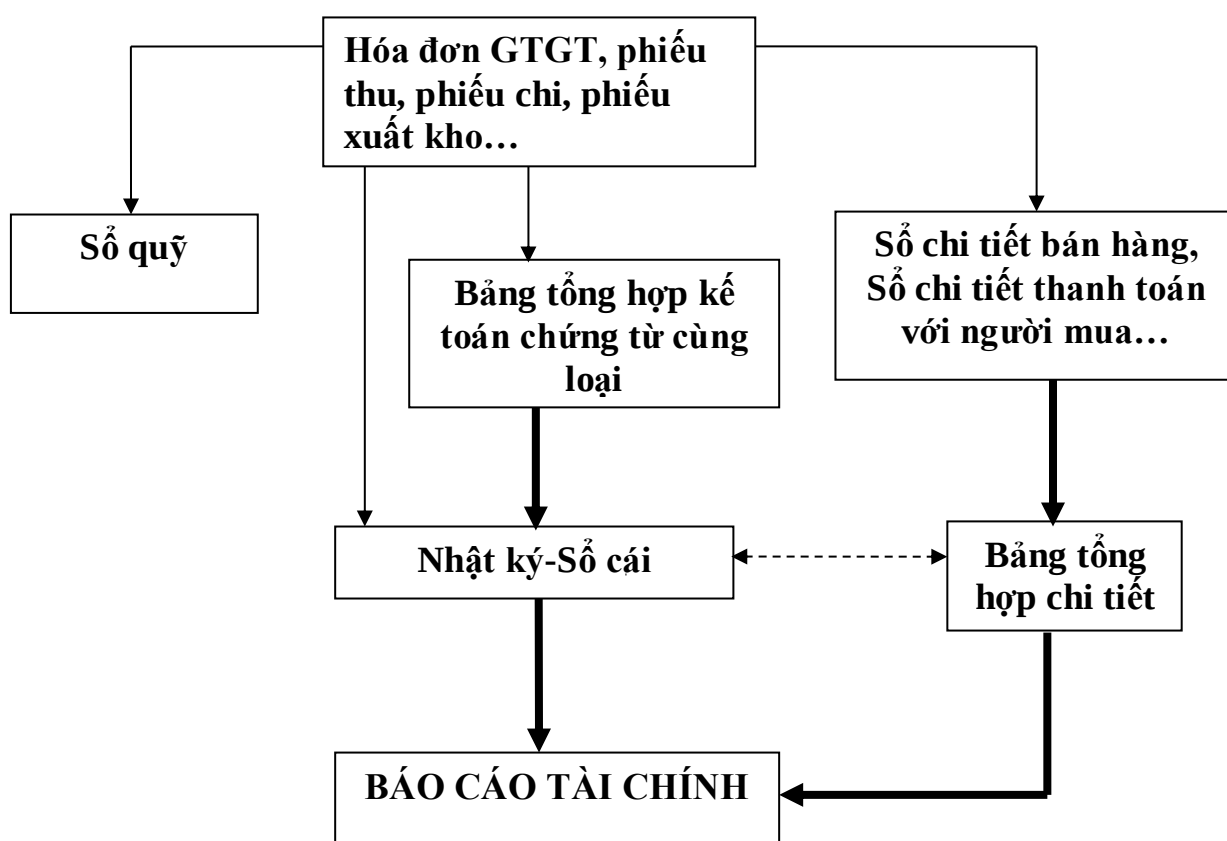
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- Ghi cuối tháng:
- Đối chiếu, kiểm tra:

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (Hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng

loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký- Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh} & & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{“phát sinh” ở phần} & = & \text{nợ của tất cả các} & = & \text{có của tất cả các} \\ \text{Nhật ký} & & \text{Tài Khoản} & & \text{Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư có các Tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.4.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

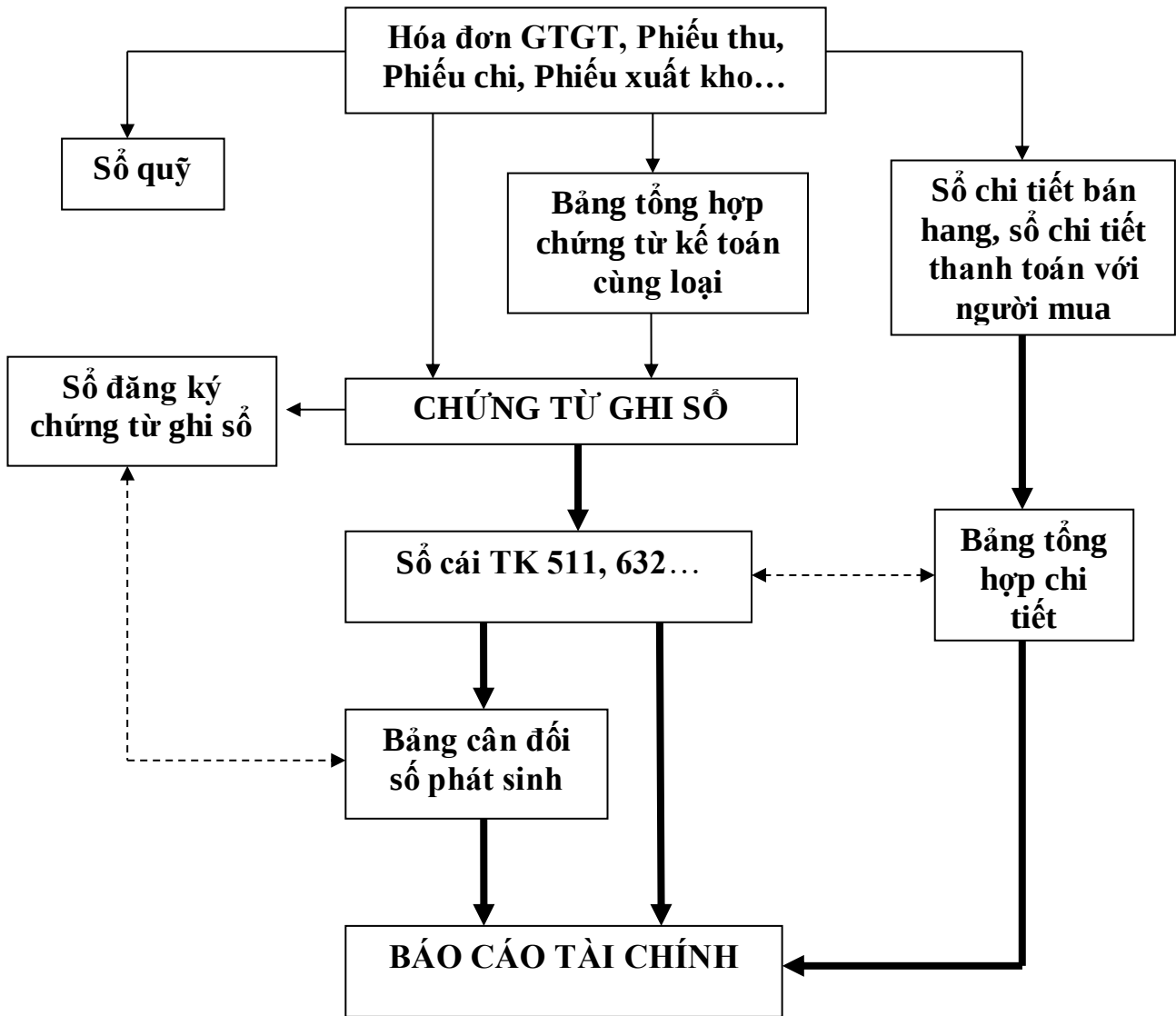
- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

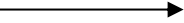
(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dung để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng dò tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

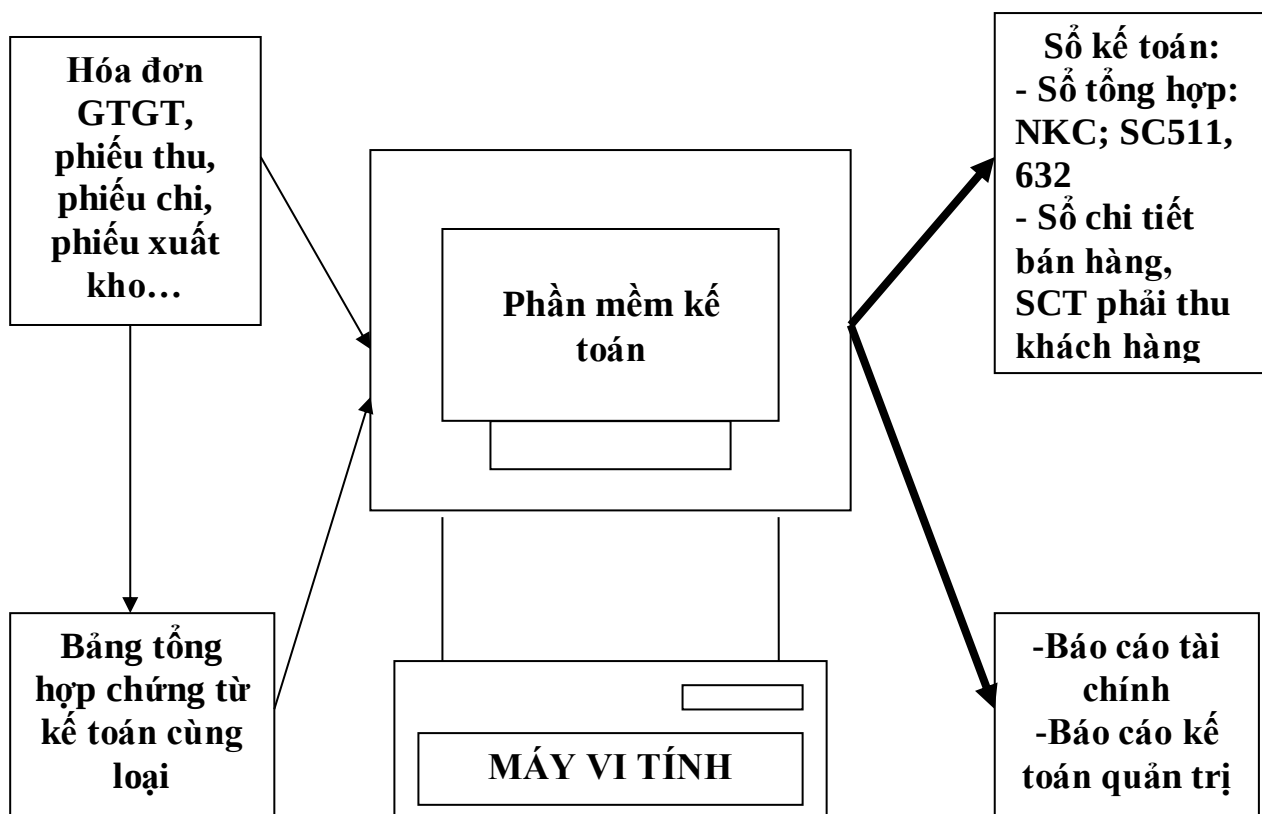
Ghi cuối tháng: 

Đối chiếu, kiểm tra: 

1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng: $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- (1) Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- (2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

- (3) Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.
- (4) Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

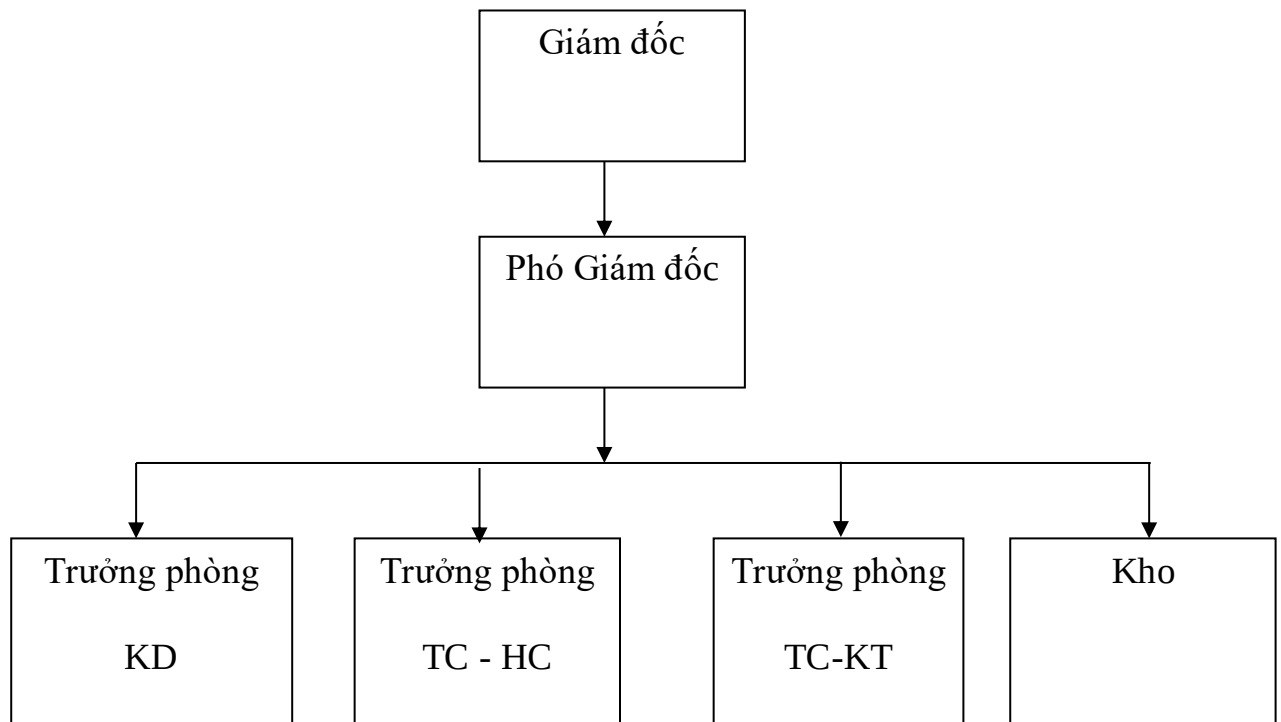
- Địa chỉ : Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội
- Tel: 0977912885
- Fax: (024) 36879037
- Email : cantanphat.com
- Giấy phép kinh doanh số : 0105170954 - ngày cấp: 02/03/2011
- Tên giao dịch: **TAN PHAT „JSC**
- Giám đốc: **NGUYỄN THÀNH TRUNG**

Công ty Cổ Phần Thiết Bị Đo Lường Tân Phát (Tan Phat Measuring Equipment JSC) được hình thành và phát triển trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các thiết bị đo lường khối lượng, thiết bị tự động hóa được ứng dụng cho nhiều lĩnh vực như cân xe tải, cân trạm trộn, cân đóng bao, cân băng định lượng và các ứng dụng cân điện tử khác... Với mong muốn được mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất để trang bị cơ sở vật chất cho việc quản lý nguyên vật liệu trong sản xuất cũng như trong buôn bán thương mại.

Ngày nay, vượt qua những trở ngại của những ngày tháng khởi nghiệp, công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, đang ngày càng phát triển, mở rộng quy mô hoạt động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát có bộ máy quản lý tổ chức tập trung gọn nhẹ. Đứng đầu là Giám đốc tiếp đến là phòng kế toán và các bộ phận.



Doanh nghiệp muốn phát triển và tồn tại lớn mạnh ngoài vốn , chuyên môn của từng thành viên trong công ty, phải có bộ máy quản lý tốt. Qua sơ đồ trên ta thấy bộ máy nhân sự của công ty được sắp xếp trên cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả với các phòng ban được phân cách rõ ràng phù hợp với công việc kinh doanh của công ty.

****Giám đốc công ty***

- Là người đứng đầu công ty, đồng thời là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động đối nội và đối ngoại của công ty

**** Phó giám đốc***

Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, do Giám đốc công ty giới thiệu đề nghị và phải được hội đồng thành viên nhất trí. Phó giám đốc có quyền thay mặt Giám đốc điều hành mọi hoạt động của công ty khi Giám đốc vắng mặt.

Phó Giám Đốc phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước Giám đốc công ty và hội đồng thành viên.

*** Trưởng phòng kinh doanh**

Là người trực tiếp quản lý phòng kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm về việc giao dịch mua bán với khách hàng, thực hiện chế độ thông tin báo cáo, tiếp thị và cung ứng trực tiếp hàng hoá cho mọi đối tượng quản lý tiền cơ sở vật chất do công ty giao

*** Trưởng phòng tổ chức hành chính**

Có chức năng tham mưu cho giám đốc về việc sắp xếp, bổ chỉ cán bộ đào tạo và phải bố trí đúng người, đúng ngành nghề, công việc, quyết toán chế độ người lao động theo chính sách, chế độ của nhà nước và chế độ của công ty.

*** Trưởng phòng tài chính kế toán**

Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của phòng tài chính kế toán, đồng thời nắm bắt toàn bộ hoạt động kinh doanh trong công ty qua đó giám sát tình hình của công ty, cũng như việc sử dụng có hiệu quả tiền vốn, lao động, vật tư giám định việc chấp hành chế độ hạch toán, các chỉ tiêu kinh tế, tổ chức theo quy định của nhà nước, lập bảng chi tổng hợp, xây dựng kết quả tiêu thụ, kết quả tài chính và kết quả kinh doanh của công ty

*** Kho**

Là nơi cất trữ và bảo quản hàng hoá của công ty. Hàng hoá sau khi mua về sẽ được nhập vào kho. Thủ kho có trách nhiệm theo dõi, ghi chép về mặt lượng hàng hoá nhập - xuất - tồn kho để cung cấp số liệu cho phòng kế toán.

2.1.3.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

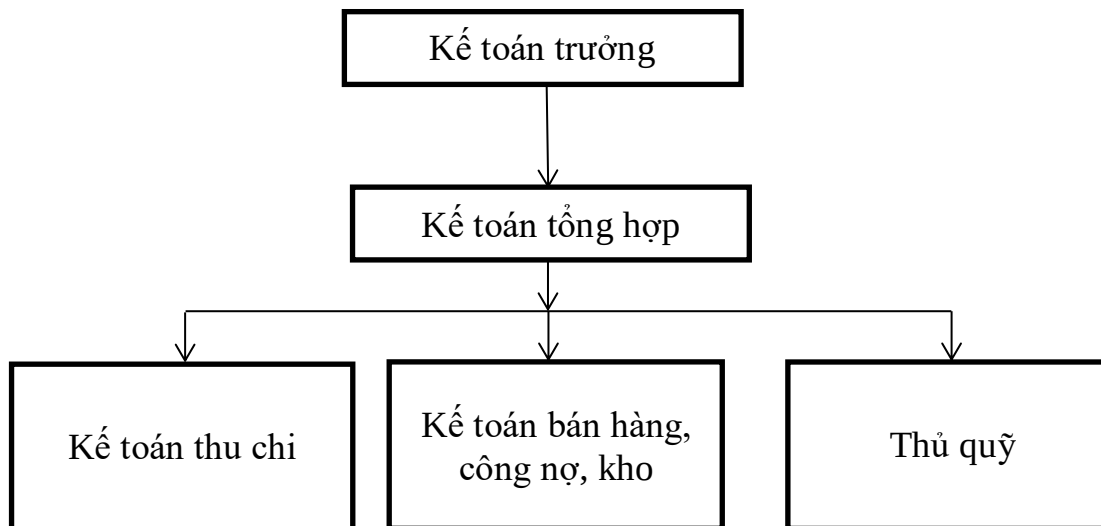
2.1.3.1- Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

Bộ máy kế toán của công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty

CP thiết bị đo lường Tân Phát



- *Kế toán trưởng*: là người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty, có trách nhiệm đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc.

- *Kế toán tổng hợp*:

- + Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- + Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp
- + Kiểm tra số dư cuối kì có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không.

- + Hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, TSCĐ, công nợ, thuế GTGT, báo cáo thuế,...

- + Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm

- + Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

- *Kế toán thu chi*

- + Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt

+ Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty

+ Theo dõi việc thanh toán của khách hàng

- *Kế toán bán hàng và theo dõi công nợ:*

+ Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với khách hàng

+ Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng

+ Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ

+ Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt

+ Theo dõi vật tư nguyên liệu nhập xuất trong kho.

- Thủ quỹ: trực tiếp thu chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng.

2.1.3.2. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng .

Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành. Từ năm 2017, công ty áp dụng thông tư 133/2016/ TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

a.Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12

b.Đơn vị tiền tệ sử dụng(áp dụng trong năm kế toán): Việt Nam đồng

c.Hình thức kế toán:Chứng từ được lập theo hình thức Nhật ký chung

d.Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

e.Công ty áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

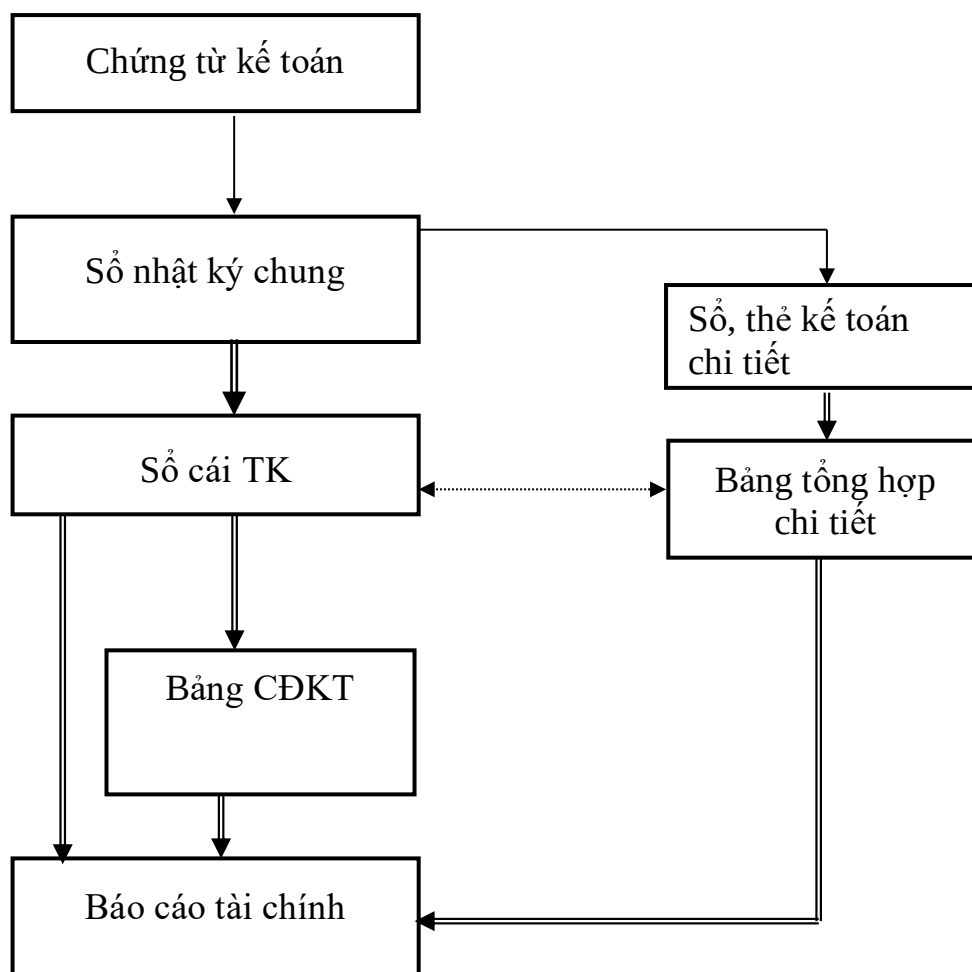
f. Phương pháp hạch toán chi tiết hàng hóa: phương pháp thẻ song song.

g. Phương pháp khấu hao tài sản đang áp dụng: phương pháp khấu hao theo đường thẳng(năm)

h.Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Phân bổ chi phí đầu tư tài sản cố định

i. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ =====→
- Kiểm tra, đối chiếu <----->

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ nhật ký chung, Sổ cái

➤ Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu chủ yếu của Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân phát là doanh thu bán các thiết bị đo lường khối lượng, các loại cân và các ứng dụng cân điện tử khác.

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- + Hợp đồng kinh tế.
- + Hóa đơn GTGT.
- + Phiếu thu.
- + Phiếu báo có.
- + Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

- + TK 511: Doanh thu bán hàng
- + TK 111: Tiền mặt.
- + TK 112: TGNH.
- + TK 131: Phải thu khách hàng.
- + TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.
- + Các tài khoản khác có liên quan.

2.2.1.3. Trình tự hạch toán kế toán doanh thu:

Khi nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của khách hàng kế toán lập hợp đồng cung cấp dịch vụ. Sau khi hợp đồng được ký thì công ty tiến hành cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng khi hoạt động cung cấp dịch vụ hoàn thành, kế toán sẽ lập bảng kê chi tiết đồng thời lập hóa đơn GTGT về cung cấp dịch vụ.

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.

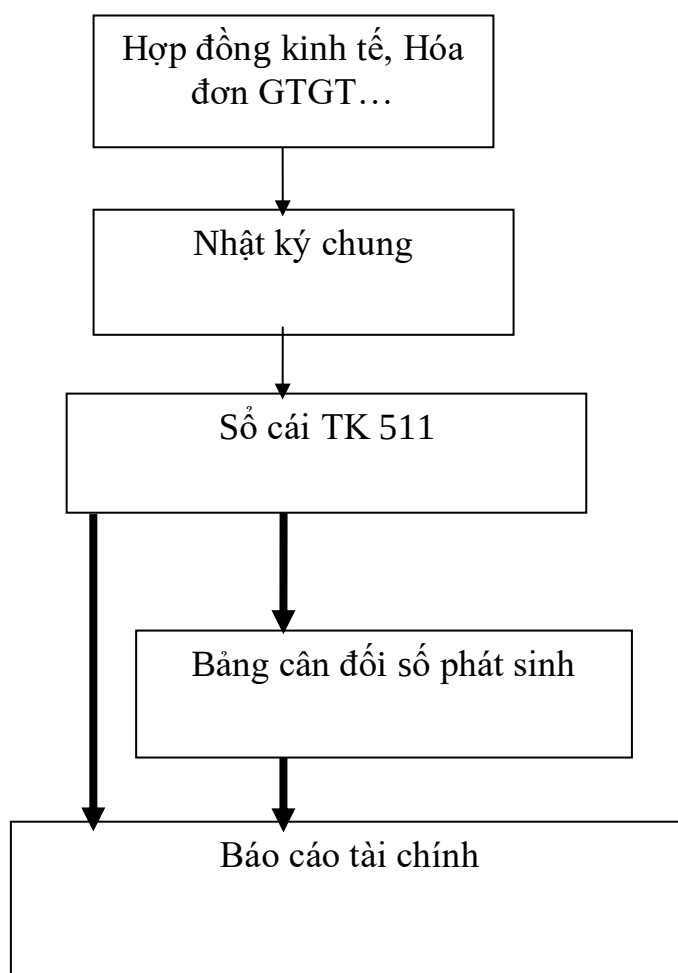
+ Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

+ Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

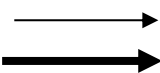
- Đối với phiếu thu. Khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:

+ Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.

+ Liên 2: Giao cho khách hàng



Ghi chú:



Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu của công ty

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan. Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản.

- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái TK 511, 131, 3331... lập bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 3/10/2016 bán cho ông Trần Quang Thái 3 cái máy in Canon với giá chưa thuế là 23.400.000 cho.. Khách hàng chưa thanh toán theo HDGTGT số 814. Kế toán định khoản như sau:

- Nợ TK 131: 25.740.000
- Có TK 511: 23.400.000
- Có TK 3331: 2.340.000

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 03 tháng 10 năm 2016					
Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/16B Số: 0000814					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT Mã số thuế : 0105170954 Địa chỉ: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội					
Số tài khoản : 007208950008 Điện thoại : 020 33824743					
Họ và tên người mua hàng: Trần Quang Thái Địa chỉ: Lê Hồng Phong , Ngô Quyền , Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy in Canon	Cái	03	7.800.000	23.400.000
Cộng tiền hàng:					23.400.00
Thuế suất: 10% Thuế GTGT:					2.340.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					25.740.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi năm triệu , bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào chi tiết

TK131

Biểu 2.2: Nhật ký chung

Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

Mẫu số S03a - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q.

Hoàng Mai, Hà Nội

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
29/08	HĐ788	29/08	Bán cân cho công ty Minh Hiền, chưa thanh toán	131		17.105.000	
					511		15.550.000
					3331		1.555.000
30/09	HĐ790	30/09	Bán Palet cho Công ty Hưng Thành chưa thanh toán	131		64.350.000	
					511		58.500.000
					3331		5.850.000
03/10	HĐ 000081 4	03/10	Bán máy in canon , chưa thanh toán	131		25.740.000	
					511		23.400.000
					3331		2.340.000
04/12	PT0195	04/12	Bán cân cho cho công ty Minh Hiền, chưa thanh toán	111		5.885.000	
					511		5.350.000
					3331		535.000
...	...		...				
			Cộng chuyển sang trang				
			Cộng phát sinh			48.573.371.428	48.573.371.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511, sổ cái TK131

Biểu 2.3: Sổ cái TK 511**CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN****Mẫu số S03b - DNN**
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**PHÁT. Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q.****Hoàng Mai, Hà Nội****SỔ CÁI**

Năm 2016

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VND

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
	...	...	...	...	...	...
29/09	HĐ788	29/11	Bán cân cho công ty Minh Hiền, chưa thanh toán	131		15.550.000
30/09	HĐ790	30/11	Bán Palet cho Công ty Hưng Thành, chưa thanh toán	131		58.500.000
03/10	HĐ814	03/12	Bán máy in canon chưa thanh toán	131		23.450.000
04/12	PT195	04/12	Bán cân cho cho công ty Minh Hiền, chưa thanh toán	111		5.350.000
31/12	PKT14	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	6.024.822.729	...
			Cộng số phát sinh		6.024.822.729	6.024.822.729
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng**2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như cân trọng tải, cân điện tử, thiết bị đo lường... Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn: theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập phải tính trị giá vốn của hàng xuất kho

- Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

- Công thức tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

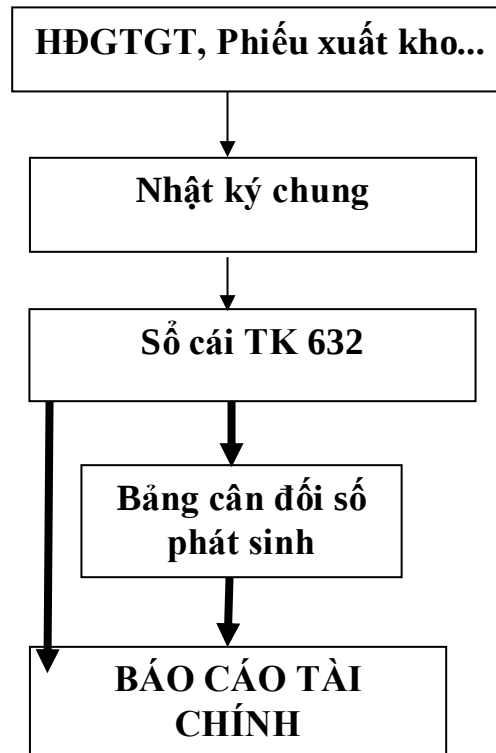
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Bảng kê các chi phí
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

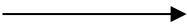
- TK 156: hàng hóa
- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 111, 112...

2.2.2.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

-Hàng ngày,căn cứ vào Hóa đơn GTGT,phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 156,632...

-Cuối tháng,kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái các TK 632,156...lập bảng cân đối số phát sinh.

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

VD :Nghiep vụ kinh tế phát sinh liên quan đến cân bàn điện tử 60kg YHT6 trong tháng 11 như sau:

1. Ngày 01/11 trong kho của công ty còn 15 cái cân bàn điện tử 60kg YHT6 đơn giá 6.000.000đ/cái
2. Ngày 02/11 công ty xuất bán 4 cái cân bàn điện tử 60kg YHT6 cho Công ty TNHH VIEWPORT VISION TRADING Việt Nam
3. Ngày 05/11 công ty xuất bán 3 cái cân bàn điện tử 60kg YHT6 cho công ty Minh Hiền.
4. Ngày 19/11 công ty nhập 2 cái cân bàn điện tử 60kg YHT6 giá 5.800.000/cái

Đơn giá xuất cân bàn điện tử 60kg YHT6 ngày 02/11 và 05/11 là 6.000.000 đồng

Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho 02/11 (Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ thiết bị đo lường Tân Phát)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT**Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội****Mẫu số 02 – VT***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 2 tháng 11 năm 2016

Số: XK835

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Diễm.

Địa chỉ (bộ phận): Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Bán hàng cho Công ty TNHH VIEWPORT VISION TRADING Việt Nam

Xuất tại kho (ngăn lò): Địa điểm: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cân bàn điện tử 60kg YHT6	MS 215	Cái	4	4	6.000.000	24.000.000
	Cộng	X	x	4	4	6.000.000	24.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ: Hai mươi bốn triệu đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 2 tháng 11 năm 16

Người lập phiếu*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Người nhận hàng***(Ký, họ tên)***Thủ kho***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho 05/11 (Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ thiết bị đo lường Tân Phát)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT

Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 5 tháng 11 năm 2016

Số: XK836

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: **Vũ Thị Dung**

Địa chỉ (bộ phận): **Phòng kinh doanh**

Lý do xuất kho: **Bán hàng cho Công ty Minh Hiền**

Xuất tại kho (ngăn lô): **Địa điểm: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội**

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cân bàn điện tử 60kg YHT6	MS 215	Cái	3	3	6.000.000	18.000.000
	Cộng	X	x	3	3	6.000.000	18.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười tám triệu đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 5 tháng 11 năm 2016

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.6: Nhật ký chung

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT

Mẫu số 03b – DNN

Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	SH TK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
PX835	02/11	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH VIEWPORT VISION TRADING Việt Nam	632		24.000.000	
				156		24.000.000
...	...	...	...	...	...	...
PX836	05/11	Giá vốn hàng bán cho Cty Minh Hiền	632		18.000.000	
				156		18.000.000
HĐ 0000015	07/11	Công ty mua hàng hóa công ty CP đầu tư công nghệ Toàn Cầu	156		16.500.000	
			133		1.650.000	
				331		18.150.000
...	...	...	...	...	...	...
		Cộng			48.573.371.428	48.573.371.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Sổ cái (Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát)

Đơn vị: Công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

Mã số thuế : 0105170954

Địa chỉ: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

SHTK: 632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	1	2
PX 835	02/11	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH VIEWPORT VISION TRADING Việt Nam	156	24.000.000	
...	...	...	...	...	...
PX 836	05/11	Giá vốn hàng bán cho Công ty Minh Hiền	156	18.000.000	
PX 837	09/11	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Tự Long	156	6.000.000	
...	...	...	...	...	...
PKT 20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		5.864.070.226
		Cộng ps		5.864.070.226	5.864.070.226
		SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

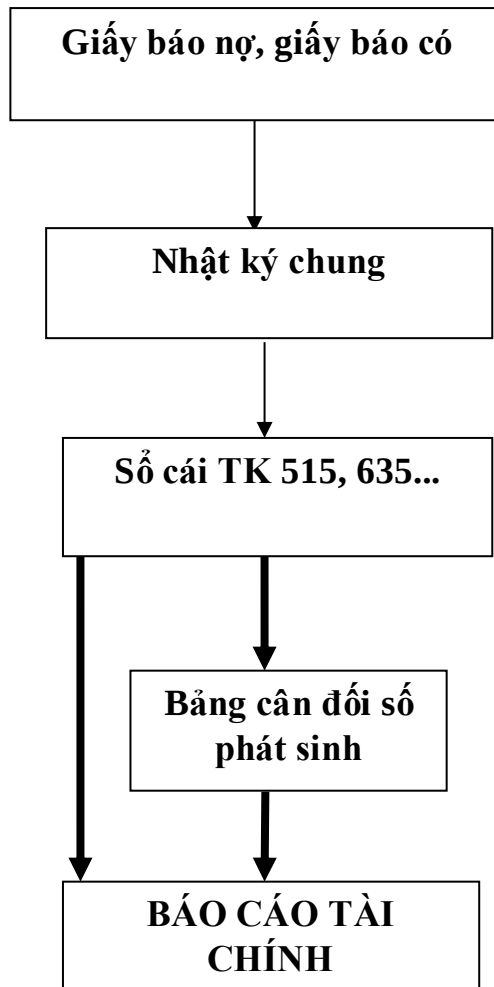
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản;
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh;
- ✓ Phiếu thu, giấy báo có;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635: Chi phí tài chính
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- Và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

-Hàng ngày,căn cứ vào các chứng từ như giấy báo nợ,giấy báo có của ngân hàng ,phiếu chi,phiếu thu,chi phí lãi vay...kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung.Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 515,TK 635.

-Cuối kỳ,cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh .Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

2.2.3.5 Ví dụ minh họa

VD1: Ngày 29/11/2016 Ngân Hàng hàng SEAbank– Chi nhánh Minh Khai- Hà Nội gửi giấy báo có thông báo về lãi tiền gửi với số tiền: 93.239 VNĐ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 93.239

Có Tk 515: 93.239

Biểu 2.8: Giấy báo có

Ngân hàng SEAbank– Chi
nhánh Minh Khai- Hà Nội

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 29/11/2016

Mã GDV 44048

Mã kh

Kính gửi: Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

Mã số thuế: 0105170954

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 007208950008

Số tiền bằng số: 93.239.

Số tiền bằng chữ: *chín mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn*

Nội dung: Lãi tiền gửi nhập gốc

Giao dịch viên

Kiểm soát

VD2: Ngày 29/10/2016 trả lãi vay ngắn hạn ngân hàng số tiền 3.111.234 VNĐ theo khế ước số 2000941140852944

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635 : 3.111.234

Có TK 112 :: 3.111.234

Ngân hàng SEAbank–
Chi nhánh Minh Khai- Hà Nội

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 29/10/2016

Kính gửi : Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát

Mã số thuế : 0105170954

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi nợ : : 007208950008

Số tiền bằng số : 3.111.234

Số tiền bằng chữ : Ba triệu một trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi bốn.

Nội dung : Trả lãi vay ngắn hạn

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.9:Trích Sổ nhật ký chung

Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát: Số 89A, ngõ 649,
Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số S03a - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
			..	...	...	...	...
02/10	PC91	2/10	Công ty mua hàng hóa công ty CP đầu tư công nghệ Toàn Cầu	156		16.500.000	
				133		1.650.000	
					331		18.150.000
...		...					
29/10	GBN 4402 5	29/10	Trả lãi vay ngắn hạn	635		3.111.234	
					112		3.111.234
...	...	...		...	..	...	...
29/11	GBC 4404 8	29/11	Lãi gửi tiền nhập gốc	112		93.239	
					515		93.239
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 115	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		160.234	
					911		160.234
31/12	PKT 117	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		250.622.567	
					635		250.622.567
			...	...	...	..	
			Cộng phát sinh			48.573.371.428	48.573.371.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK635, TK515

Biểu 2.10: Sổ cái TK 635Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát: Số 89A,
ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội**Mẫu số S03b - DNN**
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC**SỔ CÁI**

Năm 2016

Loại TK: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
	...	...	...	...	...	...
29/10	GBN44025	29/10	Trả lãi vay ngắn hạn	112	3.111.234	
	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT115	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		250.622.567
			Cộng số phát sinh		250.622.567	250.622.567

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.11: Sổ cái TK 515

Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát: Số 89A,
ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số S03b - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
	...	...	...	...	...	...
29/11	GBC 44048	31/0 3	Lãi gửi tiền nhập gốc	112		93.239
	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT11 5	31/1 2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	160.234	
			Cộng số phát sinh		160.234	160.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh**

Tại Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí lương nhân viên văn phòng, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí về đồ dùng văn phòng...

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

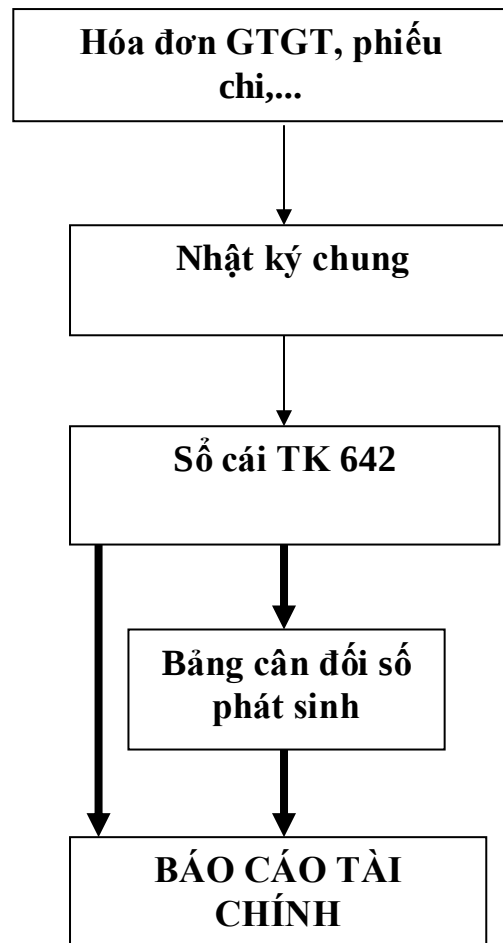
- ✓ Hóa đơn GTGT;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng;
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương;
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan..

2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác liên quan như: TK 111, 112, 131...

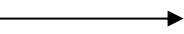
2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

-Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ...kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung để kế toán vào sổ cái TK 642.

-Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối phát sinh. Từ Bảng cân đối phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 11/10 thanh toán tiền nước uống tinh khiết quý 3/2016 bằng tiền mặt cho công ty cổ phần nước tinh khiết Hà Nội. Gồm 72 bình 19 lít đơn giá 27.272đ/ bình (chưa VAT).

Nợ TK 642:	1.963.636
Nợ TK 133:	196.364
Có TK 111:	2.160.000

Biểu 2.12: Hóa đơn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 11 tháng 10 năm 2016					
					Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/16B Số: 0000035
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC TINH KHIẾT HÀ NỘI Mã số thuế 0106008979 Địa chỉ: Số 461 Đội Cấn, P. Vĩnh Phúc, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội Số tài khoản 102010000569334 tại Ngân hàng tmcp công thương việt nam - chi nhánh ba đình Điện thoại : 024.37622255 Fax 024.37622570					
Họ và tên người mua hàng: Đơn vị: Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát Mã số thuế: 0105170954 Địa chỉ: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội Hình thức thanh toán: tiền mặt Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Nước uống tinh khiết quý 3/2016	Bình	72	27.272	1.963636
Cộng tiền hàng:					1.963.636
Thuế suất: 10% Thuế GTGT:					196.364
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.160.000
Số tiền viết bằng chữ: hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 2.13: Phiếu chi 121

Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát
Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số 02 - TT
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

PHIẾU CHI

Ngày 11 tháng 10 năm 2016

Số: PC121

Nợ TK: 642; 1331

Có TK: 111

Họ và tên người nhận Công ty CP nước tinh khiết Hà Nội

Địa chỉ: Số 461 Đội Cấn, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội

Lý do chi: Thanh toán nước uống tinh khiết quý 3 năm 2016

Số tiền: 2.160.000 VND

Bằng chữ: hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền: : hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng

Ngày 11 tháng 10 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký)	(Ký)	(Ký)	(Ký)

Biểu 2.14: Sổ cái TK 642

Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát
Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai,
Hà Nội

Mẫu số S03b - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
	..	...	...	...	...	...
11/10	PC121	11/10	Chi tiền nước uống quý 3/2016	111	1.963.636	
29/10	PC135	29/10	Thanh toán cước điện thoại di động Mobifone	111	299.999.	...
31/12	BLT12	31/12	Tiền lương T12 của nhân viên		80.600.000	
31/12	BPBT T12	31/12	Trích BHXH,BHYT,BHTN		8.463.000	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý	911		775.522.263
			Cộng SPS		775.522.263	775.522.263
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát trong năm 2016 không phát sinh khoản thu nhập khác và chi phí khác.

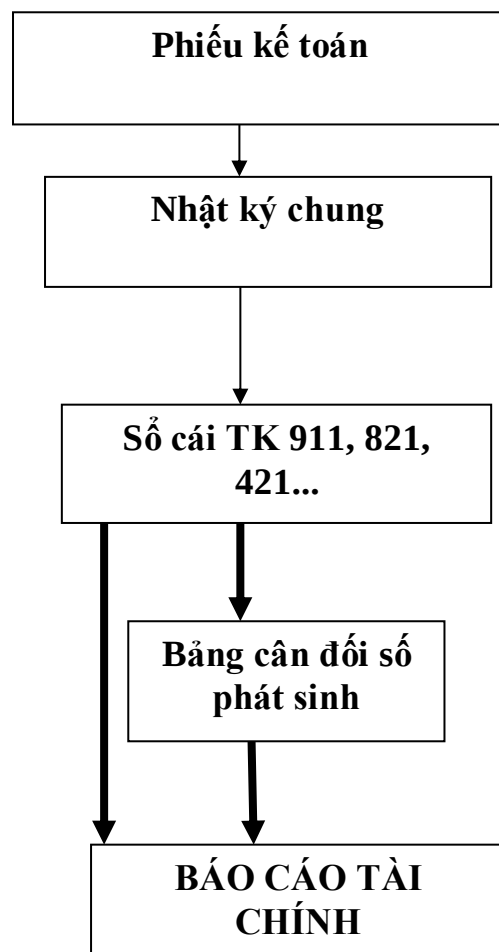
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**2.2.6.1 Chứng từ sử dụng**

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng.

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- Các TK khác có liên quan

2.2.6.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:Ghi hàng ngày: Ghi cuối tháng: 

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN, kế toán vào Sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái TK911, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.5 Ví dụ minh họa

VD: Xác định kết quả kinh doanh năm 2016

Trong năm doanh nghiệp kinh doanh lỗ 865.232.093

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh năm 2016 lỗ. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 114, 115, 116, 117, 118, 119. (Biểu 2.15, 2.16, 2.17).

Từ phiếu kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu 2.18), sau đó từ Sổ nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu 2.19).

Cuối cùng, từ các sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu 2.20) và Báo cáo tài chính.

* Năm 2016, Công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát có kết quả kinh doanh bao gồm:

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính

Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty:

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = LNHD SXKD + LNHD TC + LNHD khác}$$

Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{LNHD SXKD} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Giá vốn} - \text{Chi phí QL kinh doanh} \\ &= 6.024.822.729 - 5.864.070.226 - 775.522.263 \\ &= -614.769.760 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{LNHD TC} &= \text{Doanh thu TC} - \text{Chi phí TC} \\ &= 160.234 - 250.622.567 \\ &= -250.462.333 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{KQKD} &= -614.769.760 + -250.462.333 \\ &= -865.232.093 \end{aligned}$$

Biểu 2.15: Phiếu kế toán

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT
PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2016
 Số 114

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	6.024.822.729
	Cộng			6.024.822.729

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT
PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2016
 Số 115

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	160.234
	Cộng			160.234

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16: Phiếu kế toán

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT
PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2016

Số 116

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	5.864.070.226
	Cộng			5.864.070.226

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT
PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2016

Số 117

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	250.622.567
	Cộng			250.622.567

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.17: Phiếu kế toán

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT
PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2016
 Số 118

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp	911	642	775.522.263
	Cộng			775.522.263

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT
PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2016
 Số 119

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lỗ	421	911	865.232.093
	Cộng			865.232.093

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.18: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát. Số 89A,
ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số S03a-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
31/12	PKT 114	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		6.024.822.729	
					911		6.024.822.729
31/12	PKT 115	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		160.234	
					911		160.234
31/12	PKT 116	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		5.864.070.226	
					632		5.864.070.226
31/12	PKT 117	31/12	K/c chi phí tài chính	911		250.622.567	
					635		250.622.567
31/12	PKT 118	31/12	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		775.522.263	
					642		775.522.263
31/12	PKT 119	31/12	K/c kết quả kinh doanh	421		865.232.093	
					911		865.232.093
							
			Cộng phát sinh			48.573.371.428	48.573.371.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát. Số 89A,
ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số S03b-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT114	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		6.024.822.729
31/12	PKT115	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		160.234
31/12	PKT 116	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	632	5.864.070.226	
31/12	PKT117	31/12	K/c chi phí tài chính	635	250.622.567	
31/12	PKT118	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	642	775.522.263	
31/12	PKT119	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	421		865.232.093
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		6.890.215.056	6.890.215.056
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.20: Báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty CP CP thiết bị đo lường Tân Phát. Số
89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai,
Hà Nội

Mẫu số S03b-DNN
Theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	A	B	C	1	2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		6.024.822.729	3.222.456.987
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ ((10=1-2)	10		6.024.822.729	3.222.456.987
4	Giá vốn hàng bán	11		5.864.070.226	3.020.786.954
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		160.752.503	201.670.033
6	Doanh thu hoạt động TC	21		160.234	63.985
7	Chi phí tài chính	22		250.622.567	100.098.571
	-Trong đó: chi phí lãi vay	23		250.622.567	100.098.571
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		775.522.263	547.298.111
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 =20+21-22-24-25)	30		(865.232.093)	(445.662.664)
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(865.232.093)	(445.662.664)
15	Chi phí thuế TNDN	51		0	0
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(865.232.093)	(445.662.664)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CP THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG TÂN PHÁT**

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát, em đã có cơ hội học tập cũng như hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp, so sánh và đối chiếu giữa những kiến thức đã học được tại trường với thực tế trong doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của doanh nghiệp có những ưu điểm, hạn chế sau:

3.1.1 Ưu điểm**➤ Về bộ máy quản lý:**

+ Tổ chức bộ máy quản lý của công ty là tương đối phù hợp, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ. Mỗi bộ phận có một chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng liên hệ mật thiết với nhau, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác và nhanh chóng cung cấp kịp thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách và nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty nhiều vì

vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang lại ý nghĩa rất lớn.

➤ **Các chứng từ sử dụng:**

+ Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển một cách hợp lý.

➤ **Về hệ thống chứng từ, sổ sách:**

+ Hệ thống sổ sách kế toán của công ty tương đối phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Hình thức Nhật ký chung được sử dụng rất phù hợp với trình độ của các nhân viên kế toán của công ty. Các chứng từ sử dụng trong công ty đều theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tài Chính, được tuân thủ về cả nội dung, thực hiện khá rõ ràng, chi tiết, trung thực và đầy đủ. Sự luân chuyển chứng từ được sắp xếp hợp lý trong nội bộ, tạo ra sự hoạt động nhịp nhàng góp phần đạt hiệu quả về chất lượng công việc.

➤ **Về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh

- Về tổ chức kế toán chi phí : Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

Ngoài những ưu điểm kể trên vẫn còn một số những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

➤ Về việc ứng dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán: công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán hàng ngày mà chỉ sử dụng công cụ tính toán trên bảng tính Excel. Việc tính toán như vậy đã lỗi thời, dẫn đến việc đối chiếu giữa các số liệu trở nên rườm rà và phức tạp, hiệu suất làm việc trở nên chậm chạp

➤ Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài chính kế toán để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng, kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải khi chứng từ khi về cùng một lúc.

➤ Việc áp dụng chính sách thu hồi nợ

Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với tổng tài sản của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng qua vốn không được hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

➤ Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán: Hiện nay công ty cũng không có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng các chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây ra khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

➤ Trích lập nợ phải thu khó đòi: có nhiều khách hàng đã đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được nợ nhưng doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh.

- Về sổ sách kế toán sử dụng: Công ty chưa hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và xác định kết quả kinh doanh theo từng loại mặt hàng. Công ty vẫn hạch toán doanh thu, chi phí chung cho tất cả các mặt hàng, điều này sẽ khiến cho việc theo dõi các thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của từng mặt hàng trở nên khó khăn hơn, công tác quản lý kinh doanh mất nhiều thời gian hơn, không hiệu quả.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

3.2.1 Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2 Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát.

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình, đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác

định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh một cách kịp thời, chính xác là điều hết sức quan trọng và cần thiết đối với các cơ quan chức năng, cụ thể như:

- + Đối với cơ quan thuế: giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước
- + Đối với ngân hàng: giúp cho việc thu hồi vốn và lãi.
- + Đối với khách hàng: thể hiện năng lực của doanh nghiệp và tạo được uy tín đối với khách hàng.
- + Đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp: giúp cho việc quản lý, điều hành, đưa ra phương hướng và kế hoạch cho kỳ kinh doanh tiếp theo. Phát huy thế mạnh và khắc phục điểm yếu để ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn.
- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều được đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các bên liên quan.

3.2.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thống nhất

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

- ✓ Thực hiện đúng chế độ nhà nước
- ✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- ✓ Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán

- ✓ Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

*** Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

Công ty hiện đang thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định 48 ban hành ngày 14/9/2006. Từ 2017 chuyển sang thông tư 133/2016/TT-BTC, phần mềm kế toán Misa 2017 có hỗ trợ doanh nghiệp làm theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

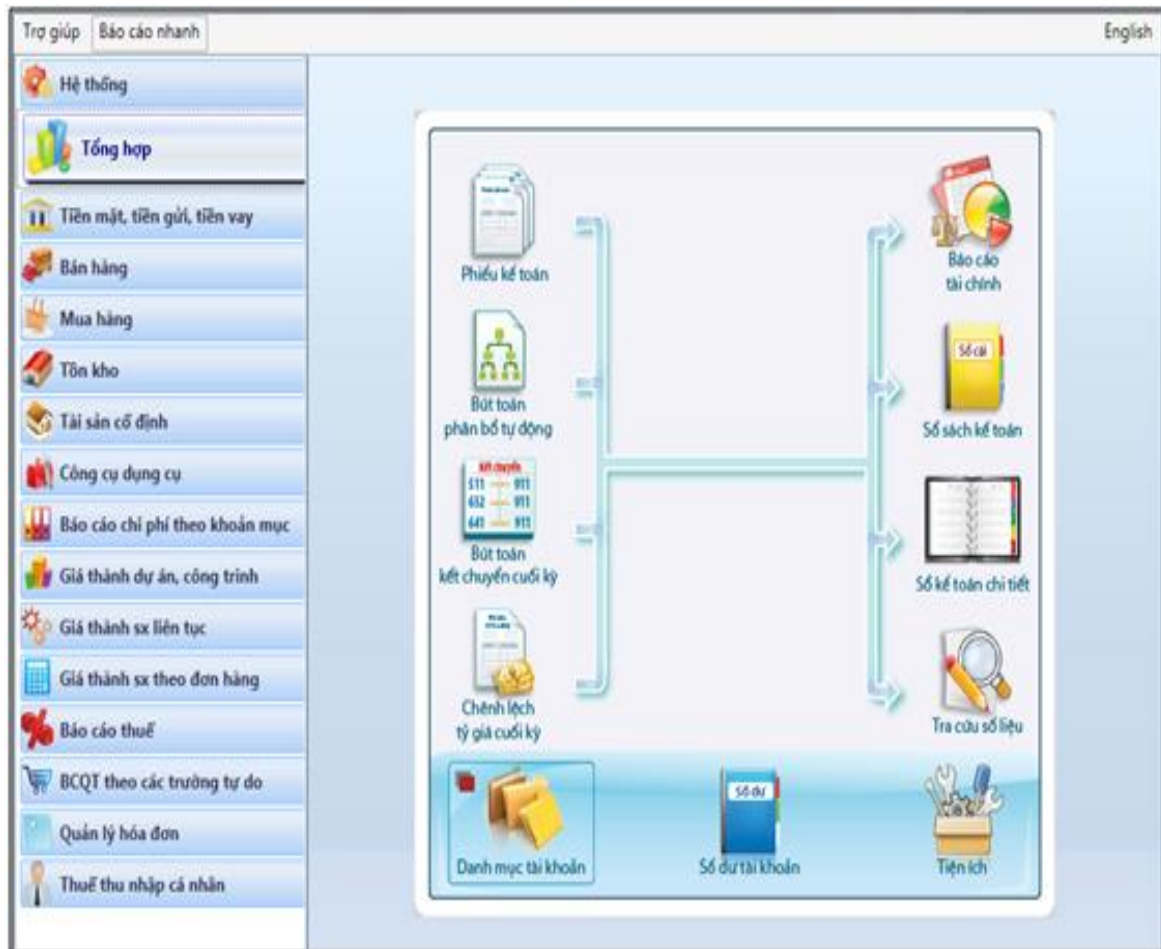
MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho,...phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



Các phân hệ của MISA:

MISA SME.NET 2017 không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp rất trực quan và dễ hiểu cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy tính với chi phí hợp lý

*** Phần mềm kế toán FAST Accounting 11**



Giá: 6.000.000 - 8.000.000

Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm.), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

3.2.4.2. Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty.

Qua thời gian thực tập để tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty Cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát em nhận thấy công tác kế toán của công ty về cơ bản đã tuân thủ đúng thủ tục chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ Tài chính ban hành, đồng thời phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó công ty vẫn còn những hạn chế và thiếu sót cần được khắc phục. Em xin đưa ra

một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

-Công ty nên mở thêm sổ chi tiết bán hàng và giá vốn cho từng loại hình kinh doanh để giúp công ty có thể theo dõi cụ thể và rõ ràng hơn. Dưới đây là các mẫu sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn:

Biểu số 3.1 : Sổ chi tiết bán hàng

Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

Mẫu số S17-DNN

ĐC: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam , Q. Hoàng Mai, Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Máy in Canon****Năm: 2016****Đơn vị tính: VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			...						
3/10	HD 0000244	3/10	Máy in Canon	131			23.400.000		
			...						
			Cộng số phát sinh				3.843.777.000		
			-Doanh thu thuần				3.843.777.000		
			-Giá vốn hàng bán				3.514.987.222		
			-Lãi gộp				328.789.778		

- Sổ này có...trang, đánh từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân Phát

ĐC: Số 89A, ngõ 649, Đ. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Máy in canon

Năm: 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
	SH	NT				SL	Thành tiền
A	B	C	D	E		5	6
			...				
3/10	HĐ 0000814	3/10	Bán máy in canon cho ông Trần Quang Thái	156	7.000.000	3	21.000.000
			...				
			Cộng SPS				

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

3.2.4.3 : Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ tạo động lực cho khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn tránh tình trạng nguồn vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng lớn và khó đòi.

Mức chiết khấu thanh toán của công ty có thể được xây dựng dựa theo các chiến lược cũng như tình hình thực tế tại công ty, doanh nghiệp cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Phương pháp hạch toán, căn cứ vào phiếu chi

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu

Có TK 111, 112: Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

- + Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng
- + Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng
- + Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày 1%/tháng

Ví dụ: Ngày 05/09 công ty bán cân cho Công ty Cổ phần vận tải Á Đông với số tiền là 122.040.100 (Cả VAT). Hạn thanh toán là 10/10 . Đến ngày 30/09 Công ty Cổ phần vận tải Á Đông đã thanh toán hết bằng chuyển khoản. Công ty Cổ phần vận tải Á Đông đã thanh toán sớm trước 10 ngày, do vậy khách hàng được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,6%, công ty viết phiếu chi cho khoản chiết khấu thanh toán.

$$\text{➤ Số tiền chiết khấu} = \frac{0.6\% \times 10}{31} * 122.040.100 = 236.207 \text{ đồng.}$$

Định khoản:	Nợ TK 635:	236.207
	Có TK 111:	236.207
Kết chuyển:	Nợ TK 911:	236.207
	Có TK 635:	236.207

Biểu số 3.6: Phiếu chi

Công ty cổ phần thiết bị đo lường Tân phát

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Số: 206

Nợ TK 635: 236.207

Có TK 111: 236.207

Họ và tên người nhận tiền: Đinh Huy Hùng

Địa chỉ: Công ty Cổ phần vận tải Á Đông

Lý do chi: chiết khấu thanh toán

Số tiền: 236.207đ

Viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bảy đồng/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ
tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm nghìn tám trăm mười đồng/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại Công ty được sự chỉ bảo tận tình của giáo viên hướng dẫn và ban lãnh đạo cùng tập thể Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát đã tạo điều kiện tốt hơn cho em được tiếp cận công tác quản lý và hạch toán kế toán cũng như tình hình sản xuất kinh doanh trong Công ty

Trong thời gian này em cũng có cơ hội được thực hành những kiến thức đã học vào công việc kế toán tại công ty. Từ đó em thấy được công việc kế toán tại từng doanh nghiệp đều dựa trên những hình thức bộ máy kế toán cơ bản nhưng tùy từng loại doanh nghiệp thì công ty hạch toán kế toán tại doanh nghiệp đó lại có những đặc thù riêng. Cuối cùng em đã hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp của mình. Trên cơ sở phân tích và quá trình vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, em đã mạnh dạn đề xuất những kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty, đặc biệt là công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo và ban lãnh đạo cùng tập thể Công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo Th.S Lê Thị Nam Phương đã tạo điều kiện tốt cho em hoàn thành bản báo cáo này.

Sinh viên

Phạm Thị Thanh Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính , 333 sơ đồ kế toán danh nghiệp , Nhà xuất bản tài chính(2012)
2. Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 48(2006)
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
4. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS Nghiêm Văn Lợi.
5. Sổ sách,tài liệu công ty CP thiết bị đo lường Tân Phát